



Working Paper 2022.1.5.06
- Vol 1, No 5

CÁC QUY ĐỊNH VỀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2020 HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ CARBON THẤP, TĂNG TRƯỞNG XANH

Nguyễn Thị Thu

Sinh viên K57 Luật thương mại quốc tế - Khoa Luật
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Thị Huyền

Giảng viên Khoa Luật
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Ứng phó với biến đổi khí hậu đã và đang là vấn đề không chỉ dừng lại trong phạm vi một quốc gia, một vùng lãnh thổ hay một tổ chức mà là trách nhiệm của toàn thể thành viên trong cộng đồng quốc tế. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, khi mà Việt Nam đã phê duyệt và ký kết hai hiệp định thương mại tự do “thế hệ mới” CPTPP và EVFTA, trước nhu cầu xâm nhập vào thị trường quốc tế của Việt Nam theo xu hướng xây dựng nền kinh tế ít phát thải và tăng trưởng xanh, yêu cầu thay đổi hệ thống các quy định pháp luật về môi trường trong Luật Bảo vệ môi trường đã được đặt ra. Bài viết tập trung nghiên cứu các quy định về biến đổi khí hậu trong Luật Bảo vệ môi trường 2020 hướng đến mục tiêu xây dựng nền kinh tế carbon thấp và tăng trưởng xanh đồng thời đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện và áp dụng pháp luật môi trường hiệu quả.

Từ khóa: nền kinh tế carbon thấp, tăng trưởng xanh, Luật BVMT 2020, biến đổi khí hậu

REGULATIONS OF LAW ON ENVIRONMENTAL PROTECTION OF 2020 ON RESPONSE TO CLIMATE CHANGE TOWARDS BUILDING LOW CARBON ECONOMY AND GREEN GROWTH

Abstract

The response to climate change circumstances has become a serious (emergency) problem that goes beyond the limit of any nation's border. To deal with this issue, we need all the countries, territories or organizations to associate in an international (united) community. In the context of the global economic integration, Vietnam has approved and signed two “new generation” Free Trade Agreement CPTPP & EVFTA, taken actions towards the need to integrate with the national trade community with regard to the development low carbon economy and green growth, the suggestion of suitable adjustment to the law and regulation of Environmental Protection has been set. Thus, this article will focus on studying the regulations on climate change issue of the Environmental Protection 2020 towards the goal of building a low-carbon economy and green

growth, and make recommendations to improve and apply to the environmental legislation effectively.

Keywords: Low Carbon Economy, Green Growth, Law on environmental protection 2020, climate change.

1. Lời mở đầu

Tại Việt Nam, chuyển dịch sang nền kinh tế carbon thấp và tăng trưởng xanh đang là xu thế và yêu cầu cấp thiết để thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH). Trong đó, việc đầu tư xây dựng các quy định môi trường liên quan đến vấn đề này là một trong những nội dung quan trọng. Chương “Ứng phó với biến đổi khí hậu” của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Luật BVMT năm 2020) được xây dựng với mục tiêu xây dựng nền kinh tế tuần hoàn, nền kinh tế xanh, thúc đẩy thị trường carbon, giảm nhẹ sự phát thải nhà kính đã đánh dấu sự đổi mới tư duy trong công tác thích nghi và giảm nhẹ sự ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu. Mục tiêu trên đã bộc lộ rõ tư duy chuyển đổi mô hình kinh tế sang nền kinh tế tuần hoàn, đồng thời thúc đẩy nền kinh tế xanh trở thành nền kinh tế mũi nhọn trong hệ thống hàng hóa kinh tế của Việt Nam. Các quy định của Luật BVMT năm 2020 về ứng phó với BĐKH hướng tới nền kinh tế carbon thấp và tăng trưởng xanh có ý nghĩa quan trọng như thế nào trong tiến trình Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế, bài viết sau đây sẽ làm sáng tỏ vấn đề này.

2. Nền kinh tế carbon thấp và tăng trưởng xanh - chìa khóa chuyển đổi mô hình kinh tế sang phát triển bền vững

Thuật ngữ kinh tế xanh xuất hiện từ những năm 70 của thế kỷ XX sau cuộc khủng hoảng dầu mỏ. Khái niệm tăng trưởng xanh thường đi đôi với khái niệm carbon thấp và được gọi là tăng trưởng xanh carbon thấp. Kinh tế xanh, tăng trưởng xanh hiện đang là xu hướng, trào lưu của toàn nhân loại.

Ở Việt Nam tăng trưởng xanh là một khái niệm không mới. Định hướng phát triển theo mô hình kinh tế xanh đã được đề cập một cách trực tiếp và gián tiếp trong nhiều văn bản quan trọng. Tuy nhiên hiện nay vẫn chưa có một khái niệm đầy đủ, cụ thể (có tính pháp lý) để định nghĩa cho khái niệm này. Theo tổ chức Sáng kiến tăng trưởng xanh của Liên Hợp Quốc “Tăng trưởng xanh hay xây dựng nền kinh tế xanh là quá trình tái cơ cấu lại hoạt động kinh tế và cơ sở hạ tầng để thu được kết quả tốt hơn từ các khoản đầu tư cho tài nguyên, nhân lực và tài chính, đồng thời giảm phát thải khí nhà kính, khai thác và sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên hơn và giảm mất sự công bằng xã hội”. Như vậy, tăng trưởng xanh có thể được hiểu là sự liên kết giữa hai hệ thống môi trường và phát triển kinh tế một cách bền vững, khiến việc đầu tư cho môi trường trở thành động lực để phát triển kinh tế. Sự kết hợp nâng cao giữa chất lượng môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế nhằm đạt được đồng thời các lợi ích (co-benefits) bao gồm: ô nhiễm ít hơn, bảo tồn và phát triển rừng và nâng cao chất lượng đời sống cư dân.

Để đạt được một nền kinh tế xanh, nền kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh chính là chìa khóa. Một mô hình tăng trưởng xanh carbon thấp yêu cầu hiệu quả cả về mặt sử dụng tài nguyên thiên nhiên và toàn diện về mặt xã hội. Mô hình này cần giảm thiểu sử dụng năng lượng, chuyển sang nguồn năng lượng carbon thấp, tạo dựng những chính sách carbon thấp phổ biến đến từng nền kinh tế địa phương, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Chính vì các lý lẽ trên, để khắc phục hiệu quả những vấn đề tất yếu trong công tác phòng ngừa và ứng phó với BĐKH thì tăng trưởng xanh là con đường ngắn nhất và bền vững nhất. Trong đó việc đầu tư phát triển môi trường là chìa khóa để đạt được mục tiêu chuyển đổi mô hình kinh tế sang phát triển bền vững. Đây cũng là lần đầu tiên vấn đề ứng phó với BĐKH được quy định thành một chương nội luật hóa với các điều ước quốc tế cùng với các khái niệm cơ bản được quy định tại Điều 3 Luật BVMT 2020.

3. Các quy định về biến đổi khí hậu trong Luật BVMT năm 2020 hướng tới nền kinh tế carbon thấp và tăng trưởng xanh

Kế thừa những mặt tích cực của Luật BVMT 2014 cùng với quá trình học hỏi kinh nghiệm từ hơn 10 quốc gia trên thế giới, Luật BVMT 2020 cũng có một chương riêng về “Ứng phó với biến đổi khí hậu”. Theo đó nguyên tắc chỉ đạo xuyên suốt quá trình áp dụng Luật này “điều kiện, nền tảng, yếu tố trung tâm, tiên quyết” cho phát triển bền vững thêm vào đó phát triển kinh tế phải đi đôi với BVMT, không đánh đổi môi trường lấy kinh tế.

Trong đó Luật này quy định chi tiết các nội dung thích ứng với BĐKH sau khi các mục tiêu của thỏa thuận này đạt được bằng việc đánh giá các tác động từ quá trình BĐKH đối với các lĩnh vực và cộng đồng triển khai các hoạt động nhằm mục đích thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ các rủi ro thiên tai, dựa trên cơ sở là toàn thể cộng đồng và hệ sinh thái, xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá tin cậy, thích nghi với quy định mới. Điều này sẽ được thực hiện và quy định rõ ràng với từng cấp, từng bộ ngành liên quan. Giảm nhẹ sự phát thải nhà kính phù hợp với điều kiện và các cam kết quốc tế đặt ra; thường xuyên đo đạc, kiểm kê và thẩm định giảm nhẹ khí phát thải nhà kính... Luật BVMT năm 2020 cũng đưa ra rất nhiều biện pháp nhằm bảo vệ tầng ozon (khoản 2 Điều 92).

Những nguyên tắc trên tương thích và phù hợp với mục tiêu mà hai hiệp định thương mại tự do CPTPP và EVFTA đề ra về một nền kinh tế carbon thấp và tăng trưởng xanh, phát triển bền vững. Cụ thể: Điều 91 làm rõ các nghĩa vụ giảm nhẹ phát khí thải nhà kính đồng thời đặt ra các biện pháp kiểm soát việc sản xuất, tiêu thụ, mua bán và sử dụng các chất làm suy giảm và biến đổi tầng ozon. Theo quy định này, các tổ chức thực hiện hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và hấp thụ khí nhà kính cũng như các phương thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cần phù hợp với điều kiện các cam kết quốc tế. Trong quá trình quản lý, các bước kiểm kê, đo đạc báo cáo thẩm định cần được phân đến từng cấp cơ sở, khi đó cần một cơ chế hoàn chỉnh hợp lý cho sự hợp tác từ các nước thành viên khác của các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Trách nhiệm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được quy định cụ thể cho từ cấp bộ ngành có liên quan, từ Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ quản lý lĩnh vực thuộc lĩnh vực thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính, Ủy ban nhân dân các cấp cho đến cả các cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc danh mục phải thực hiện kiểm kê. Điều này làm rõ trách nhiệm và cung cấp một cơ sở vững chắc cho quá trình thực hiện cơ chế quản lý giảm phát khí thải sau này. Giảm nhẹ phát khí thải nhà kính (CO₂) - nền kinh tế carbon thấp là một mục tiêu lâu dài và bền bỉ cho các nước trên thế giới để làm giảm sự nóng lên của toàn cầu gây ra các hiệu ứng nhà kính đồng thời là cơ sở cho việc bảo vệ tầng ozon (được quy định tại Điều 92 Luật này)

Điều 92 Luật BVMT, Điều 20.5.1 CPTPP và Điều 13.6 EVFTA đều yêu cầu thúc đẩy thị trường carbon theo cơ chế định giá hiệu quả và phù hợp với thông lệ quốc tế. Ngoài việc quy định các biện pháp mang tính chất hành chính để kiểm soát lượng khí phát thải nhà kính cũng như hạn

ngạch lượng phát thải, phương thức đầu tư giảm phát thải phù hợp với chiến lược quốc gia và cam kết quốc tế, khoản 4 điều này cũng quy định cách thức tham gia thị trường carbon như trao đổi, đấu giá, vay mượn, nộp trả, chuyển giao hạn ngạch, tín chỉ carbon; tổ chức liên quan trong việc phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính; thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon trong nước, quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Trong quá trình xây dựng quy tắc, cơ sở cho cơ chế thị trường, định giá carbon không thể tách rời các cam kết của UNFCCC (United Nations Framework Convention on Climate Change - Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH), Nghị định thư Kyoto và Thỏa thuận Paris, ứng phó với BĐKH sẽ là “tự nguyện trong khuôn khổ bắt buộc” tức là tự xây dựng các quy tắc, cơ sở cho cơ chế thị trường carbon đồng thời chịu sự giám sát kiểm tra quốc tế với các chỉ tiêu cụ thể trong đóng góp do quốc gia tự quyết định của Việt Nam (INDC). Thị trường mua bán phát thải (thị trường carbon) là một giải pháp hiệu quả trong việc giảm thiểu tình trạng ô nhiễm. Một hệ thống mua bán phát thải (ETS) hiệu quả sẽ đảm bảo sự ổn định cho chất lượng môi trường do các yếu tố kiểm soát lượng khí thải. ETS được sử dụng khi có nhiều nguồn phát thải trên một khu vực địa lý rộng lớn khi các khí nhà kính gây biến đổi khí hậu hoặc xảy ra hiện tượng mưa axit.

Từ quy định của hai điều luật trên, một nhiệm vụ đã được đặt ra đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 1. Thiết lập hệ thống kiểm kê khí nhà kính quốc gia; 2. Xây dựng hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) để kiểm soát các nguồn phát thải lớn; 3. Thiết lập thị trường carbon, hay còn gọi là hệ thống mua bán phát thải (ETS).

Thêm vào đó, Luật BVMT 2020 đã bổ sung các chính sách về phát triển ngành công nghiệp môi trường, dịch vụ môi trường, sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường; ưu tiên thực hiện mua sắm xanh đối với dự án, nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước; thúc đẩy việc khai thác, sử dụng và phát triển vốn tự nhiên; đặc biệt là thúc đẩy kinh tế tuần hoàn. Đồng thời, bổ sung chính sách về tín dụng xanh, trái phiếu xanh để huy động đa dạng các nguồn lực xã hội cho công tác BVMT. Luật cũng quy định các nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu cũng cần được lồng ghép vào các chiến lược, quy hoạch (Điều 93 Luật BVMT 2020) và các dạng thông tin dữ liệu được đưa vào cơ sở dữ liệu quốc gia (Điều 94 Luật BVMT 2020).

4. Đánh giá các quy định về ứng phó biến đổi khí hậu trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

3.1 Ưu điểm

- Các quy định Luật BVMT 2020 hướng mục tiêu xây dựng nền kinh tế tăng trưởng xanh carbon thấp đáp ứng kịp thời những yêu cầu pháp lý trong thời điểm hội nhập toàn cầu và xâm nhập thị trường carbon tiềm năng hiện nay: đầu tiên, các quy định về Ứng phó với BĐKH chương IV luật BVMT 2014 không còn phù hợp với tình hình đổi mới nền kinh tế hiện nay, thêm vào đó các vấn đề môi trường đang trở nên trầm trọng hơn bởi sự gia tăng nhanh chóng dân số của các thành phố lớn. Sự gia tăng này đã khiến vấn đề xử lý rác thải trở nên nan giải và sự gia tăng vượt mức khí nhà kính biến xung quanh các khu vực thành phố lớn là các “dòng sông chết”. Theo số liệu được thu thập từ 23 trạm khí tượng ven biển ở Việt Nam sự dao động nhiệt độ tối đa và tối thiểu đều có xu hướng tăng, trong đó nhiệt độ tối thiểu tăng nhanh hơn nhiệt độ tối đa đã phần nào phản ánh được sự nóng lên của khí hậu toàn cầu. Không chỉ là nắng nóng đỉnh điểm, các vụ cháy rừng, bão lũ cũng đang gây ra những hậu quả nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của con người và tài sản. Luật BVMT với vai trò là một văn bản pháp luật chính điều chỉnh các vấn đề trọng tâm,

cốt lõi nhất về môi trường là một trong những đổi mới đầu tiên trong quá trình hội nhập thâm sâu vào nền kinh tế này;

- *Phù hợp với xu hướng của hầu hết các nước trên thế giới*: tạo điều kiện cho Việt Nam thực hiện “Các hoạt động giảm nhẹ khí nhà kính phù hợp với điều kiện quốc gia” một cách hiệu quả hơn trong quá trình phát triển thị trường carbon. Đồng thời thực hiện hiệu quả Sáng kiến chương trình PRM và Giảm khí thải từ mất và suy thoái rừng tạo động lực giảm lượng phát thải từ mất và suy thoái rừng. Trong quá trình hoàn thiện và sử dụng hiệu quả hơn các phương pháp này, Việt Nam sẽ có những cái nhìn khái quát hơn và hoàn thiện hơn những quy định pháp luật liên quan đến khí nhà kính, giảm nhẹ khí phát thải nhà kính;

- *Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh ở Việt Nam*: rõ ràng việc thông qua Luật BVMT năm 2020 đã thể hiện mối quan tâm cao của Việt Nam đối với việc ứng phó với BĐKH, thúc đẩy nền kinh tế xanh của Việt Nam và cho thấy tầm nhìn chung của Việt Nam trên thị trường quốc tế. Từ đó, sẽ gia tăng khả năng Việt Nam nhận được sự giúp đỡ từ các quốc gia và các tổ chức quốc tế trong nỗ lực chung nhằm giảm thiểu và thích ứng với BĐKH trên cơ sở hướng tới nền kinh tế xanh;

- *Phát triển nền kinh tế năng lượng tái tạo*: sử dụng nguồn năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời,..) sẽ chậm lại quá trình nóng lên của toàn cầu, đồng thời mở ra cơ hội phát triển mới cho nhiều khu vực nông thôn. Do đó việc kết hợp xây dựng các quy định về ứng phó với BĐKH với phát triển nền kinh tế tuần hoàn sẽ có ý nghĩa quan trọng cả về kinh tế, xã hội, an ninh năng lượng và BVMT trong bối cảnh nhu cầu sử dụng năng lượng của Việt Nam ngày một gia tăng, trong khi khả năng cung cấp các nguồn năng lượng truyền thống còn hạn chế. Từ đó thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo thêm nhiều cơ hội việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo và tạo động lực cho Việt Nam cải cách thể chế.

3.2 Hạn chế

Bên cạnh các mặt tích cực hội nhập trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật, các quy định về BĐKH trong Luật BVMT năm 2020 chưa thực sự thể hiện một cơ chế phù hợp với thông lệ quốc tế như quy định trong CPTPP và EVFTA. Nguyên tắc xây dựng thị trường carbon theo hướng quốc tế nào, định giá carbon được sự kiểm soát và tham gia của các chủ thể nào, dựa trên các nguyên lý xây dựng nào cũng chưa được nêu rõ. Luật BVMT năm 2020 mang tính chất là một văn bản pháp luật có tính pháp lý cao, mang tính chất đại chúng bắt buộc thể hiện sự định hướng rõ ràng trong việc xây dựng các văn bản pháp luật hướng dẫn chi tiết về sau, tránh những bất cập, chồng chéo và mâu thuẫn trong cùng một hệ thống pháp luật. Chính vì vậy các vấn đề nêu trên không thể dùng từ “mang tính nền tảng” để biện minh cho sự không rõ ràng này.

Thêm vào đó, tham gia vào thị trường carbon là một kế hoạch lâu dài và đầy tham vọng đối với nền kinh tế Việt Nam hiện nay khi mà thị trường này có rất nhiều các nguy cơ tiềm ẩn. Kinh nghiệm của các nước khác cho thấy triển khai tốt thị trường carbon là một điều không dễ dàng. Hệ thống ETS của châu Âu cũng phản ánh những rủi ro liên quan đến gian lận và tội phạm mạng. Và chúng ta đặt ra câu hỏi liệu rằng đã có bao nhiêu hạn ngạch được tạo ra? Nếu như trong thị trường carbon mà chúng ta dùng nhiều công sức tạo ra, có thể số lượng hạn ngạch là kết quả của sự cân bằng quyền lực chính trị thì liệu rằng nó sẽ tạo ra hệ quả gì và mất bao lâu để giành lại quyền kiểm soát số lượng hạn ngạch hay làm sụp đổ một cơ chế, hệ thống mà ta dày công xây dựng mất khoảng thời gian là bao lâu. Do đó việc chưa có phương pháp phân bổ hạn ngạch trong Luật môi

trường mới có thể lỗ hồng để các nhà phát thải lớn thu lợi nhuận thuần túy là dựa vào may mắn khi mà họ có thể nhận được hạn ngạch nhiều hơn mà không cần nỗ lực xây dựng một hệ thống giảm phát thải. Đây là thực tế có thể xảy ra nếu các yếu tố dịch bệnh bùng phát, thời tiết mưa nhiều có thể tạo ra sự biến động về giá.

Ngoài ra, giảm nhẹ sự phát thải khí nhà kính theo Việt Nam là trước hết là giảm thiểu khí carbon, tuy nhiên trên thực tế hiện nay cam kết giảm nhẹ khí metan được cho là có hiệu quả cao hơn được EU và Mỹ dẫn đầu. Điều đó có nghĩa rằng có nhiều hơn một phương pháp hiệu quả cho cùng một mục tiêu đặt ra mà luật môi trường không nhắc đến. Chính vì vậy, Luật BVMT 2020 nên đặt một nền móng chung nhất cho các cam kết phục vụ mục tiêu thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu lâu dài.

4. Một số kiến nghị cho Việt Nam

Thứ nhất, quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh carbon thấp đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ của nhiều cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như toàn thể cộng đồng xã hội. Thường xuyên rà soát, đánh giá tính tương thích các quy định pháp luật liên quan trong nước với các điều ước quốc tế liên quan để kịp thời điều chỉnh các văn bản pháp luật liên quan trong lĩnh vực ứng phó với BĐKH. Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật BVMT năm 2020 cần làm rõ các khái niệm về khí nhà kính, nội dung giảm nhẹ phát khí thải nhà kính, nội dung nền kinh tế xanh phù hợp với các quy định quốc tế; bổ sung các quy định liên quan đến hạn ngạch phát thải phù hợp với điều kiện nền kinh tế trong nước. Điều này cần sự học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia đi trước và cần thời gian thích nghi cũng như hoàn thiện dần miễn sao có thể bảo đảm sự phối hợp từ các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân trong quá trình thi hành và phổ biến các quy định pháp luật.

Thứ hai, cùng với việc áp dụng các quy định về ứng phó với BĐKH trong Luật BVMT 2020 là thực hiện thành công Sáng kiến chương trình PRM, tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình Giảm khí thải phát thải từ mất và suy thoái rừng (REDD) đồng thời chuẩn bị nhằm hoàn thiện khung pháp lý về REDD+ và đảm bảo công bằng trong BĐKH; tiếp tục thực hiện thành công hơn nữa NAMA. Để làm được điều này trước tiên nhà nước ta cần đưa ra các giải pháp nhằm cân bằng lợi ích từ nhiều bên, xây dựng nguồn tài chính có tính bền vững và lâu dài, thường xuyên giám sát, kiểm tra các chương trình, sáng kiến chương trình để kịp thời đưa ra những biện pháp điều chỉnh thích hợp.

Thứ ba, nhà làm luật cần cân nhắc một phạm vi áp dụng phù hợp sẽ giúp cho thị trường mua bán carbon hiệu quả, tránh lạm dụng mở rộng quá nhiều ngành sản xuất sẽ khiến việc áp dụng trở nên khó khăn và phát sinh nhiều chi phí; cũng cần phải cân nhắc việc quy định các hoạt động phát thải nên theo hướng “cuối nguồn” - tác động trực tiếp vào các đối tượng gây ra phát thải (VD: các nhà máy nhiệt điện, công ty sản xuất hoặc ngay cả các hộ gia đình) hay theo hướng “đầu nguồn” - nhắm vào các đối tượng là nhà cung cấp nguồn nguyên liệu hóa thạch cho các ngành sản xuất hoặc theo một hệ thống kết hợp cả hai đối tượng trên. Thêm vào đó, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần nghiên cứu và đề xuất xây dựng và áp dụng bộ chỉ số môi trường rừng, chỉ số CO₂. Xây dựng hệ thống kiểm kê và hệ thống giám sát phát thải khí nhà kính và ước tính phát thải ở cấp quốc gia, vùng, ngành... theo tiêu chuẩn quốc tế. Một trong những rào cản đối với nhà đầu tư tư nhân trong lĩnh vực này phải kể đến giá tín chỉ carbon không được thiết lập ổn định, lượng cầu đối với tín chỉ carbon không được xác định thêm vào đó các chỉ số trong lâm nghiệp, quá nhiều tín chỉ REDD+ có thể khiến cho giá carbon bị sụt giảm dẫn đến thị trường carbon của Việt Nam không

ổn định, thất thường và rủi ro. Để khắc phục rào cản này chúng ta có thể chuẩn bị quỹ đầu tư cấp vốn và một hệ thống điều chỉnh có tính định hướng cho thị trường carbon.

Thứ tư, tiếp tục nghiên cứu và xem xét các cam kết liên quan đến vấn đề giảm nhẹ khí thải nhà kính trên thế giới, ví dụ cam kết hạn chế phát thải khí Metan do Mỹ và EU dẫn đầu đang diễn ra tại Glasgow...để có thể bắt kịp xu hướng phát triển của thế giới. Xếp thứ hai sau CO₂, metan (chiếm 23%) cũng là nguyên nhân lớn khiến trái đất nhanh chóng ấm lên. Theo một nghiên cứu gần đây của EU trong 20 năm lượng khí metan thải ra môi trường gấp 84 lần so với CO₂, thêm vào đó khí này có khả năng giữ nhiệt cao hơn CO₂ nhưng phân hủy trong khí quyển nhanh hơn. Điều này có nghĩa rằng nếu cắt giảm lượng khí metan trong khí quyển sẽ là cơ hội để có thể đạt được mục tiêu giảm nhiệt độ trái đất theo Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Việt Nam đã cam kết mạnh mẽ về việc cắt giảm 30% lượng phát thải khí metan vào năm 2030 cùng với sự góp mặt của hơn 80 quốc gia. Đây là cơ hội cũng như thách thức để nước ta có thể thu hút vốn đầu tư nước ngoài trong quá trình xây dựng thị trường carbon. Do đó việc xây dựng một văn bản pháp luật liên quan đến vấn đề trên sẽ thiết thực và là hành trang pháp lý vững chắc khiến Việt Nam đứng vững trên thị trường carbon quốc tế.

Cuối cùng, để hoàn thiện quá trình xây dựng những quy định mới trong vấn đề ứng phó với BĐKH, sự chuẩn bị cho các điều kiện đảm bảo thi hành là vô cùng quan trọng. Cụ thể:

- Ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành phù hợp, nhanh chóng và kịp thời. Hiện nay Bộ Tài nguyên và môi trường đã công bố trang web thông tin nhằm thu thập và tham khảo các ý kiến đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong vấn đề liên quan đến việc xây dựng các văn bản pháp luật là cơ hội để các cá nhân, tổ chức - những chủ thể chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các văn bản pháp luật đóng góp ý kiến của mình đối với sự thay đổi của hệ thống pháp luật.

- Xây dựng một đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng các nội dung tuyên truyền phổ biến nội dung, yêu cầu kịp thời đến từng cơ quan, tổ chức liên quan. Chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền một đội ngũ cán bộ nắm rõ các thông tin, quy định mới trong lĩnh vực ứng phó với BĐKH; liên tục cập nhật và theo dõi xu hướng của quốc tế trong vấn đề trên là một bước quan trọng để Việt Nam nắm chắc hướng đi của thế giới, từ đó nắm bắt những cơ hội tích cực để biểu thị quan điểm mạnh mẽ của Việt Nam trong ứng phó BĐKH, thu hút sự chú ý từ các nhà đầu tư trên thế giới.

5. Kết luận

Các quy định về ứng phó với biến đổi khí hậu của Luật bảo vệ môi trường 2020 đã thể hiện rõ mục tiêu hướng tới xây dựng nền kinh tế carbon thấp, tăng trưởng xanh đảm bảo cho con người được sống trong môi trường lành mạnh, thân thiện với môi trường, là cơ hội để Việt Nam gia nhập các điều ước quốc tế về môi trường cũng như các hiệp định thương mại quốc tế. Các quy định về ứng phó với BĐKH của Luật BVMT 2020 đã thể hiện rõ mục tiêu và cơ sở xây dựng các quy định về ứng phó với BĐKH trong Luật BVMT 2020. Từ đó đặt ra những cơ hội và thách thức khi Việt Nam thực hiện các quy định về ứng phó với BĐKH nhằm mục tiêu xây dựng nền kinh tế carbon thấp, tăng trưởng xanh, tăng cường khả năng thực thi các quy định về ứng phó với biến đổi khí hậu trong Luật bảo vệ môi trường thúc đẩy nền kinh tế carbon thấp, tăng trưởng xanh. Xuất phát từ những kinh nghiệm, trao đổi và học hỏi đối với các nước bạn và những lợi thế khi Việt Nam trở thành thành viên của hai hiệp định CPTPP và EVFTA, tôi hi vọng bài viết sẽ góp phần làm minh

bạch các thông tin về ứng phó với BĐKH trong Luật BVMT 2020 và thúc đẩy quá trình hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật của Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Bùi, Đ.H. (2019), “Một số vướng mắc, bất cập Luật Bảo vệ môi trường năm 2014”, <https://bitly.com.vn/vx4ni3>, truy cập ngày 03/10/2021.
- Đào, G.P. (2018), “Thị trường mua bán phát thải: Kinh nghiệm quốc tế và định hướng cho Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, <https://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/thi-truong-mua-ban-phat-thai-kinh-nghiem-quoc-te-va-dinh-huong-cho-viet-nam-142803.html>, truy cập ngày 02/10/2021.
- Đỗ, T.H.L. (2018), “Hướng tới nền kinh tế xanh ở Việt Nam - cơ hội và thách thức”, *Tạp chí Kinh tế kỹ thuật*.
- Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương, chính thức có hiệu lực đối với Việt Nam kể từ ngày 14/01/2019.
- Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên minh châu Âu, chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2021.
- Linh, N. (2020), “Nền kinh tế xanh: (Kỳ I) Vì sao mô hình tăng trưởng hiện tại của Việt Nam không bền vững?”, <https://nhipsonghomnay.vn/kinh-te/kinh-te-vi-mo/nen-kinh-te-xanh-ky-i-vi-sao-mo-hinh-tang-truong-hien-tai-cua-viet-nam-khong-ben-vung.html>, truy cập ngày 02/10/2021.
- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Mai, Đ. (2020) , “EU xem xét các tiêu chuẩn ràng buộc để hạn chế phát thải khí metan”, *Báo Tài nguyên Môi trường*, <https://baotainguyenvmoitruong.vn/eu-xem-xet-cac-tieu-chuan-rang-buoc-de-han-che-phat-thai-khi-metan-313166.html>, truy cập ngày 04/10/2021.
- Minh, H.D. (2021), “Kế hoạch giám sát phát thải CO₂: Thị trường mua bán carbon của Việt Nam?”, <https://tiasang.com.vn/-dien-dan/Ke-hoach-giam-sat-phat-thai-CO2-Thi-truong-mua-ban-carbon-cua-Viet-Nam-28560>,_truy cập ngày 02/10/2021.
- Ngân, H. (2021), “Việt Nam hướng đến nền kinh tế carbon thấp và tăng trưởng xanh”, https://www.youtube.com/watch?v=4_uqwoX_TQM, truy cập ngày 23/9/2021.
- Nguyễn, L.T.A. (2021), “Nội luật hóa các quy định về môi trường, ứng phó với BĐKH trong CPTPP và EVFTA”, *Tạp chí Công thương*, <https://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/noi-luat-hoa-cac-cam-ket-ve-moi-truong-ung-pho-bien-doi-khi-hau-trong-cptpp-va-evfta-80075.htm>, truy cập ngày 02/10/2021.
- Phan, M.T. & Nguyễn, K.P. (2018), “Tăng trưởng xanh và vai trò của đổi mới công nghệ tại các nước đang phát triển”, <https://www.tailieumienphi.vn/doc/tang-truong-xanh-va-vai-tro-cua-doi-moi-cong-nghe-tai-cac-nuoc-dang-phat-trien-8o9buq.html>, truy cập ngày 02/10/2021.
- Quyết định phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 .

Thanh, L. (2019), “Biến đổi khí hậu thực trạng báo động trên toàn cầu”, <http://hdll.vn/vi/tin-tuc/bien-doi-khi-hau---thuc-trang-bao-dong-tren-toan-cau.html>, truy cập ngày 02/10/2021.

Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, chính thức có hiệu lực kể từ ngày 04/11/2016.

Vụ pháp chế (Bộ Tài nguyên và môi trường). (n.d.), *Tài liệu giới thiệu Luật Bảo vệ môi trường năm 2020*.